

CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

a. Tinh thần yêu nước, nhân ái, tinh thần cố kết cộng đồng dân tộc của dân tộc Việt Nam, đại đoàn kết dân tộc đã hình thành và củng cố trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, tạo thành truyền thống bền vững thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam. Đối với mỗi người Việt Nam, yêu nước, nhân nghĩa và đoàn kết trở thành một tình cảm tự nhiên, một triết lý sống, thành phép tư duy và ứng xử chính trị. Tất cả đã trở thành dấu ấn trong cấu trúc xã hội truyền thống Việt Nam, tạo thành quan hệ 3 tầng: gia đình, làng xã, quốc gia (nhà - làng - nước). Đây cũng chính là sợi dây liên kết các giai tầng, các dân tộc trong xã hội Việt Nam. Truyền thống đoàn kết, nhân ái được phản ánh trong kho tàng văn học dân gian, được các anh hùng trong lịch sử nâng lên thành phép đánh giặc, trị nước. Đó là tư tưởng tập hợp lực lượng dân tộc của các nhà yêu nước trong lịch sử. Hồ Chí Minh đã sớm kế thừa truyền thống yêu nước-nhân nghĩa-đoàn kết của dân tộc. Người khẳng định “từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước...”. Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh phải phát huy truyền thống ấy trong giai đoạn cách mạng mới “phải giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”. Chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, cộng đồng của dân tộc Việt Nam là cơ sở đầu tiên, sâu xa cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

b. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin: coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng phải trở thành giai cấp dân tộc. Mác nêu khẩu hiệu “Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại”. Lênin làm cách mạng vô sản thành công ở nước Nga, lực lượng công - nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết quốc tế. Khẩu hiệu của Mác được mở rộng “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”. Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở lý luận quan trọng nhất đối với quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác-Lênin vì Người đã tìm thấy con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô lệ, tìm thấy sự cần thiết và con đường tập hợp lực lượng cách mạng trong phạm vi từng nước và trên phạm vi toàn thế giới.

c. Tổng kết kinh nghiệm thành công và thất bại của các phong trào yêu nước, phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới Hồ Chí Minh tổng kết, đánh giá các di sản truyền thống về tư tưởng tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam tiền bối và các phong trào cách mạng ở nhiều nước trên thế giới, nhất là các phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa, từ đó Người rút ra bài học kinh nghiệm để hình thành và hoàn chỉnh tư tưởng về đại đoàn kết của mình. Các phong trào cách mạng Việt Nam thực tế vừa hào hùng, vừa bi tráng đã chứng tỏ nếu chỉ có yêu nước thôi thì không đủ để đánh thắng giặc. “Sử ta đã dạy cho ta rằng, khi nào dân ta biết đoàn kết thì khi đó dân ta giành thắng lợi.” Yêu cầu của thời đại mới là phải có lực lượng lãnh đạo đủ sức quy tụ cả dân tộc vào đấu tranh cách mạng, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc bền vững thì mới giành thắng lợi. Hồ Chí Minh đã thấy hạn chế trong phương pháp tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước tiền bối, Bác đã tìm cách sang Pháp để tìm hiểu và trở về giúp đồng bào mình. Khi ở nước ngoài, Hồ Chí Minh khảo sát tình hình các nước tư bản chủ nghĩa và các nước thuộc địa, Bác nhìn thấy tiềm ẩn to lớn của họ và cũng thấy hạn chế là các dân tộc thuộc địa chưa có tổ

chức, chưa biết đoàn kết, chưa có sự lãnh đạo đúng đắn. Trong các phong trào cách mạng thuộc địa và phụ thuộc, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến cách mạng của Trung Quốc và Ấn Độ, với tư tưởng là đoàn kết các giai tầng, các đảng phái, các tôn giáo... nhằm thực hiện mục tiêu của từng giai đoạn cách mạng.

Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga, Người đã tìm hiểu thấu đáo con đường cách mạng tháng Mười, bài học kinh nghiệm quý báu, đặc biệt là bài học huy động lực lượng quần chúng công - nông giành và giữ chính quyền Xô Viết non trẻ. Người cho rằng đây là cuộc cách mạng đến nơi, đến chốn. Đó là cơ sở thực tiễn cho việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức cộng đồng: Ý thức cố kết dân tộc trải qua hàng nghìn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước trở thành truyền thống bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn người Việt Nam. Từ ngàn đời nay, đối với người Việt Nam tinh thần yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết trở thành đức tính, lẽ sống, tình cảm tự nhiên của mỗi người. Đó là những triết lý nhân sinh: Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng. Hay: Một cây làm chẳng nên non, Ba cây chụm lại nên hòn núi cao. Những điều đó đã phân nào ghi đậm dấu ấn cấu trúc xã hội truyền thống: gia đình gắn với cộng đồng làng xã, gắn với cộng đồng cả nước (nhà - làng - nước) cho nên dân ta có câu: Nước mất, nhà tan. Truyền thống ấy được thể hiện ngày càng sinh động qua các thời kỳ lịch sử như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung và đều được nâng lên thành phép đánh giặc giữ nước, thành kế xây dựng quốc gia xã tắc vững bền. Hồ Chí Minh đã sớm tiếp thu truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết quý báu đó. Người khẳng định: “Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy (yêu nước) lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn (đoàn kết), nó lướt qua mọi sự hiểm nguy, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”(1). Rõ ràng truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết là cơ sở quan trọng hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc (2). Sự tổng kết những kinh nghiệm thực tế của phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa: Từ các phong trào Cần Vương, Văn Thân, Yên Thế cuối thế kỷ XIX, đến các phong trào Đông Du, Duy Tân, chống thuế đầu thế kỷ XX, là các thế hệ người Việt Nam đã liên tiếp đoàn kết cùng nhau đứng dậy chống ngoại xâm, mặc dù thất bại (do nhiều nguyên nhân chúng ta không đề cập ở đây) song đều nói lên truyền thống yêu nước quật cường của dân tộc. Hồ Chí Minh một mặt thấy được những hạn chế của các phong trào này, mặt khác thấy rõ yêu cầu khách quan của sự đoàn kết thống nhất trên cơ sở có đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn, khoa học. Người quyết định ra đi tìm đường cứu nước. Bôn ba khắp năm châu, bốn biển, tầm mình trong phong trào đấu tranh cách mạng của các dân tộc, các nước tư bản, người rút ra những bài học kinh nghiệm đấu tranh không thể không có sự đoàn kết chặt chẽ của những người cùng khổ thành khối vững chắc. Đến với Lênin, đến với cách mạng tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh nhận ra nhiều yếu tố, nhiều điều mới trong đó nếu những người Bôn - Sê - Vích Nga không thực hiện đoàn kết rộng rãi thì không thể đánh thắng 14 nước đế quốc, không thắng nổi thù trong, giặc ngoài để bảo vệ Nhà nước Xô Viết non trẻ đầu tiên vừa mới ra đời. Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý kinh nghiệm của Trung Quốc, Ấn Độ là hai nước đem lại cho cách mạng Việt Nam nhiều bài học bổ ích về tập hợp lực lượng. Đó là đoàn kết các dân tộc, các giai cấp, các đảng phái, các tôn giáo... nhằm thực hiện mục tiêu của từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng như chủ trương “Liên Nga,

thân cộng, ủng hộ công nông”; “hợp tác Quốc - Cộng” của Tôn Trung Sơn... (3). Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử; vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại. Hồ Chí Minh tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin và vận dụng sáng tạo vào Việt Nam. Người thực hiện xây dựng khối Liên minh giai cấp; thành lập Mặt trận; đoàn kết quốc tế, coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Người thực hiện tài tình cuộc chiến tranh nhân dân đánh thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Người kêu gọi toàn dân kháng chiến, toàn quốc kháng chiến, toàn dân kiến quốc. Người chủ trương không phân biệt già, trẻ, gái, trai, hễ là người Việt Nam đều đứng lên chống thực dân giành quyền độc lập.

NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Trong những cống hiến to lớn của to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Người là một cống hiến đặc sắc, có giá trị lý luận và giá trị thực tiễn hết sức quan trọng, tư tưởng đó được thể hiện qua đó được thể hiện qua một số nội dung cơ bản sau đây: 1. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng: - Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người có ý nghĩa chiến lược. Đó là một tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Điều này được thấy rõ qua tình hình lịch sử của nước ta ngay sau khi giành được độc lập dân tộc, khi đó trong ngân hàng nước ta chỉ có 2 vạn đồng tiền rách, tình trạng dân số thì có đến 98% là mù chữ, các tổ chức cách mạng thì mới bắt đầu được hình thành, 2,5 triệu dân chết đói, thực dân Anh thì nhăm nhe vào nước ta để giải rác vũ khí, Pháp quay lại xâm lược, Tưởng vào giải rác vũ khí, Mỹ chống phá, Nhật chống phá, trong nước thì việt quốc, việt cách nổi dậy. Một chính phủ mới thành lập mà đã vấp phải nhiều khó khăn và đặc biệt là không được sự thừa nhận của thế giới, tình hình nước ta đang rơi vào tình cảnh ngàn cân treo sợi tóc. Trước hoàn cảnh đó Hồ Chí Minh đã ký 2 hiệp ước quan trọng 14-9 và 6-3, với 2 hiệp ước này thì dân tộc việt nam đã có được điều kiện để chuẩn bị lực lượng, đồng thời loại được bớt được kẻ thù là Mỹ, Anh và Tưởng. Độc lập dân tộc là bất biến và tất cả những hiệp ước hay tạm ước chỉ là những sách lược để phục vụ cho một tư tưởng cơ bản xuyên suốt đó là độc lập dân tộc và đại đoàn kết toàn dân. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh cứ khi nào dân tộc Việt Nam đoàn kết thì ta giành độc lập và khi nào nước ta đánh mất sự đoàn kết thì sẽ bị mất chủ quyền. Hồ Quý Ly là một trong những ông vua giỏi nhất trong lịch sử Việt Nam nhưng cũng là người lãnh đạo cuộc kháng chiến thất bại nhanh nhất trong lịch sử Việt Nam khi quân Minh xâm lược, bởi ông đã không đoàn kết được toàn dân. - Đại đoàn kết dân tộc là chiến lược tập hợp lực lượng dân tộc. Tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được nhằm hình thành sức mạnh to lớn của dân tộc trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù. - Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề sống còn của cách mạng. Tuy nhiên trong từng thời kỳ, từng giai đoạn phải điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp với những đối tượng khác nhau. Tức là đại đoàn kết dân tộc là chiến lược nhưng trong từng giai đoạn thì phải có cách thức đoàn kết khác nhau. Ví dụ như trước năm 1945 chúng ta có khẩu hiệu: “Đánh đổ thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc, chia ruộng đất cho dân cày”, nhưng đến năm 1945 khi Bác Hồ đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “Đánh đuổi thực dân giành độc lập cho dân tộc”, vốn dĩ có sự khác biệt đó là vì khi này ta cần phải lôi kéo thêm tầng lớp phong kiến ủng hộ cho cách mạng để vừa bớt kẻ thù đồng thời thu hút được của cải để có tiền để làm cách mạng. - Hồ Chí Minh đã nêu ra những luận điểm có tính chất chân lý về đoàn kết. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. 2. Đại đoàn kết dân

tộc là mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng: Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được quán triệt trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Trong Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm 8 chữ là: “Đoàn kết toàn dân, phụng sự tổ quốc”. Nói chuyện với cán bộ tuyên huấn miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Người chỉ rõ: Trước cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm sao cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc. Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích tuyên truyền huấn luyện là: “Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà”. Đại đoàn kết dân tộc chính là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân. Trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, Đảng có nhiệm vụ thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng đấu tranh một cách tự giác, có tổ chức thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho con người. + Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân. Đoàn kết dân tộc là đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân. “đoàn kết toàn dân tộc”. Không phân biệt già trẻ, gái trai, giàu nghèo. Không phân biệt dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, người theo tín ngưỡng với người không theo tín ngưỡng... “Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”. Liên minh công nông lao động trí thức làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các khái niệm dân, nhân dân có một nội hàm rất rộng, người dùng khái niệm này để chỉ “mọi con dân đất Việt”, không phân biệt dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, không phân biệt “già, trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện”. Như vậy, dân, nhân dân vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng vừa được hiểu là mỗi con người Việt Nam cụ thể, và cả hai đều là chủ thể của đại đoàn kết dân tộc. Người đã nhiều lần nêu rõ “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi, Người đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình của cách mạng Việt Nam. + Muốn thực hiện được việc đại đoàn kết toàn dân thì ta phải. - Phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. - Phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng. Người Việt Nam ta có truyền thống “Đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại”. Hồ Chí Minh cho rằng ngay đối với những người làm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải, chúng ta vẫn kéo họ về phía dân tộc, vẫn đoàn kết với họ, mà hoàn toàn không định kiến và khoét sâu cách biệt. Người đã lấy hình tượng năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn nhưng tất cả đều nằm trên cùng một bàn tay để nói lên sự cần thiết phải thực hiện đại đoàn kết rộng rãi. Thậm chí đối với những người trước đây đã chống chúng ta, nhưng nay không chống nữa thì khối đại đoàn kết dân tộc cũng sẽ mở rộng cửa đón tiếp họ. Người đã nhiều lần nhắc nhở “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”. Người tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đứng về phe nào; chúng ta hãy thật thà cộng tác vì dân vì nước. Để thực hiện được đoàn kết, Người còn căn dặn: Cần xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ cùng nhau tiến bộ để phục vụ nhân dân. - Phải tin ở nhân dân, yêu dân. Sở dĩ Hồ Chí Minh khẳng định quan điểm đại đoàn kết một cách rộng rãi như trên là vì Người có lòng tin ở dân, tin rằng trong mỗi người, “ai cũng có ít hay nhiều tấm lòng yêu nước” tiềm ẩn bên trong. Tấm lòng yêu nước ấy có khi bị bụi mờ che mắt, chỉ cần làm thức tỉnh lương chi thì lòng yêu nước lại bộc lộ Dân tộc, toàn dân thì là một khối rất rộng lớn gồm hàng chục triệu con người vì vậy phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên cái nền tảng đó. Về điều này người đã chỉ rõ: “Đại đoàn

kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”. Người chỉ rõ: “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất”. Về sau Người có nêu thêm: lấy liên minh công nông - lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng có thể mở rộng, không e ngại bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc. 3. Đại đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất có tổ chức là mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng: Cả dân tộc, toàn dân chỉ trở thành lực lượng to lớn, sức mạnh vô địch khi được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, và được tổ chức thành một khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Nếu không thế thì quần chúng dù đông nhưng cũng chỉ là số đông không có sức mạnh. Thất bại của các phong trào yêu nước trước kia đã chứng minh rất rõ vấn đề này. Ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, từng giới, từng ngành nghề và lứa tuổi, tôn giáo và phù hợp với các bước phát triển của phong trào cách mạng. Đó là hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay phụ nữ... bao trùm lên tất cả là Mặt trận dân tộc thống nhất, đó là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi con người Việt Nam không chỉ trong nước mà còn ở nước ngoài, dù ở bất cứ phương trời nào nếu tâm lòng vẫn hướng về quê hương đất nước, về tổ quốc Việt Nam... Tùy theo từng giai đoạn thời kỳ mà Mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những tên gọi khác nhau như: Hội phản đế đồng minh, Mặt trận dân chủ, Mặt trận Việt minh, Mặt trận dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Nhưng thực chất chỉ là một – đó là tổ chức chính trị rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái... phấn đấu vì một mục tiêu chung là độc lập dân tộc thống nhất tổ quốc. Theo Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nông (sau đó là liên minh công - nông - lao động trí óc), dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. + Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng. + Lợi ích tối cao của dân tộc là Tổ quốc độc lập và thống nhất, xã hội giàu mạnh, dân chủ, văn minh. Để có thể đại đoàn kết thì cần phải làm sao để mọi người thuộc bất cứ tầng lớp nào cũng đặt lợi ích tối cao của dân tộc lên trên hết. Bởi lẽ lợi ích tối cao của dân tộc có được đảm bảo thì lợi ích của mỗi bộ phận, mỗi người mới được thực hiện. Mỗi bộ phận, mỗi con người lại có những lợi ích riêng khác nhau. Những lợi ích chính đáng và phù hợp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc cần được tôn trọng. Ngược lại những gì riêng biệt không phù hợp sẽ dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc. Mặt trận cần thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hiệp thương dân chủ, cùng nhau bàn bạc để đi đến nhất trí loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành; thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Giữa các thành viên của khối đại đoàn kết dân tộc, bên cạnh những điểm tương đồng vẫn có những điểm khác nhau cần phải bàn bạc để đi đến nhất trí. Để giải quyết vấn đề này, một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị” lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; mặt khác Người nêu rõ: “Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết”. Tự nâng cao tinh thần phê bình và tự phê bình để biểu dương mặt tốt, khắc phục mặt chưa tốt để củng cố đoàn kết nội bộ. Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng ta luôn đấu tranh trên hai mặt trận chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi coi nhẹ việc tranh thủ tất cả những lực lượng có thể tranh thủ được; đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ mặt trận. + Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức

thể hiện khối đoàn kết dân tộc. Đảng cộng sản vừa là thành viên vừa là lực lượng lãnh đạo mặt trận xây dựng khối đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc. Quyền lãnh đạo mặt trận không phải Đảng tự phong cho mình, mà là được nhân dân thừa nhận, điều này đã được Hồ Chí Minh phân tích rất chặt chẽ: “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quân chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”. Muốn lãnh đạo Mặt trận, lãnh đạo xây dựng khối đoàn kết toàn dân, Đảng phải thực sự đoàn kết nhất trí. Sự đoàn kết của Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng sự đoàn kết của toàn dân, sự đoàn kết của Đảng càng được củng cố thì sự đoàn kết của dân tộc càng được tăng cường. Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân đã tạo nên sức mạnh bên trong của cách mạng Việt Nam để vượt qua khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng. 4. Ý nghĩa tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh: Đại đoàn kết dân tộc là tư tưởng lớn, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc với cách mạng nước ta. Tư tưởng này có nhiều giá trị, biểu hiện tập trung ở những điểm chính sau: - Đoàn kết là bài học hàng đầu và có tính chiến lược, quyết định mọi thành công. Biết đoàn kết thì vượt qua khó khăn, thử thách, không đoàn kết, chia rẽ là thất bại. - Đoàn kết phải có nguyên tắc, vì mục tiêu và lợi ích chung. Không đoàn kết một chiều, đoàn kết hình thức, nhất thời. - Đoàn kết trong tổ chức, thông qua tổ chức để tạo nên sức mạnh. Đoàn kết cá nhân và đoàn kết tổ chức không tách rời nhau. - Đoàn kết phải có nội dung thích hợp với từng địa phương, từng tổ chức, từng thời kỳ. Đoàn kết trong chính sách tập hợp các tầng lớp nhân dân. - Đoàn kết đi liền với bao dung, thực hiện tính nhân đạo cao cả, hướng tới tương lai. - Lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết là nhiệm vụ của Đảng, là biện pháp phát huy sức mạnh của Đảng, của toàn dân tộc. - Muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải thực sự đoàn kết trong Đảng. - Thực hiện đồng bộ đoàn kết trong Đảng - đoàn kết toàn dân - đoàn kết quốc tế. - Đoàn kết trong mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng lợi ích của mọi thành viên cộng đồng quốc gia, dân tộc, quốc tế.

TỔNG KẾT

Qua những phân tích trên ta có thể thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết có một vai trò cực kỳ quan trọng. Nó không chỉ là lời giải đáp đúng đắn cho những bài toán của cách mạng vào thời điểm đó mà trong suốt chiều dài lịch sử nó vẫn giữ nguyên giá trị. Thực tiễn cách mạng Việt Nam trên 70 năm qua đã chứng minh hùng hồn sức sống kỳ diệu và sức mạnh vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc, từ chỗ là tư tưởng của lãnh tụ đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đó đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của tất cả những người Việt Nam yêu nước và biến nó thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu con người, tạo thành sức mạnh vô địch trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Lịch sử cách mạng Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua cho thấy, lúc nào, nơi nào tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh được quán triệt và thực hiện đúng, thì khi đó, nơi đó cách mạng phát triển mạnh mẽ và giành được thắng lợi, nơi nào, lúc nào rời xa tư tưởng đó thì khi đó, nơi đó cách mạng bị trở ngại và tổn thất. Ở thời điểm dân tộc ta đang bước vào thế kỷ XXI những thời cơ và thách thức đan xen nhau đang thường xuyên tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc. Hơn lúc nào hết, thực tiễn đất nước đòi hỏi chúng ta phải quán triệt những quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển những quan điểm ấy, phù hợp với những biến đổi của tình hình mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân

tộc sẽ ngày càng phát triển, hoàn thiện cùng với thực tiễn biến đổi của đất nước. Tư tưởng ấy vẫn là ngọn nguồn tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam để đi tới thắng lợi hoàn toàn và triệt để của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
